

Quyết định tái thẩm

Số: 47/2019/DS-TT

Ngày 06/9/2019

Về “Đòi nhà cho ở nhờ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Long và ông Lê Phước Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết – Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 06/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, mở phiên tòa tái thẩm xét xử vụ án dân sự “Đòi nhà cho ở nhờ”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng T (tức Đặng Đ), sinh năm 1928;

Bà Trương Thị V, sinh năm 1947;

Ông T và bà V cùng trú tại địa chỉ: Tổ S, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1937;

Địa chỉ: Tổ S, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2003 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là vợ chồng ông Đặng T (còn gọi là Đặng Đ) và bà Trương Thị V trình bày: Ông Bà sống tại khu định cư Đông Giang do chế độ cũ lập, năm 1966 Ông Bà mua vật liệu và xây dựng nhà cấp 4 bằng tiền vay trả góp của Ngân hàng chế độ cũ (căn nhà hiện nay có địa chỉ KF L, tổ S, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng). Năm 1971, Ông Bà đi làm ăn xa nên giao nhà đất cho bà Trương Thị Ch (chị của bà V) trông coi. Bà Ch cho bà Lê Thị Th thuê nhà, bà Th chỉ trả tiền thuê 01 tháng, nhưng vẫn chiếm dụng sử dụng nhà cho đến nay (có lúc ông Đ, bà V lại khai giao nhà cho bà Ch năm 1973; bà Ch cho bà Th thuê thời gian ngắn rồi lấy lại vì bà Th không trả tiền thuê và cho người khác thuê lại, năm 1978, thấy bà Th hoàn cảnh khó khăn nên bà Ch lại cho bà Th vào ở nhờ nhà đất đến nay). Nay, ông Đ, bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Th trả nhà ở nhờ.

- Bị đơn là bà Lê Thị Th trình bày: Năm 1973, bà Th thuê nhà đất nêu trên của bà Ch để ở. Tháng 4/1974, do bà Th không trả tiền thuê nên bà Ch bán căn nhà cho bà Phan Thị Q. Năm 1975, bà Q dỡ mái tôn, nên nhà chỉ còn 04

bức tường và bà Q chuyển đi nơi khác sinh sống. Sau đó bà Th xin Ban Quân quản bố trí giao nhà cho bà Th và bà Th lợp lại mái nhà để ở (có lúc bà Th cho rằng sau khi bà Q dỡ mái thì bà Th mua lại phần tường nhà của bà Q với giá 5.000 đồng, không làm giấy tờ). Quá trình sử dụng, bà Th nhiều lần sửa chữa nhà và đã được cấp *Giấy chứng nhận tạm thời quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất* ngày 01/3/2001 nên không đồng ý trả nhà như yêu cầu của vợ chồng ông Đặng T.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 16/DSPT ngày 23/4/2004, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/DSST ngày 12/01/2004 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng, cụ thể:

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nhà cho ở nhờ của ông Đặng T và bà Trương Thị V đối với bà Lê Thị Th.*

2. *Buộc bà Th trả lại ngôi nhà nằm trên diện tích đất 160,2m² tại KF L, tổ S, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng cho ông Đặng T và bà Trương Thị V.*

Cho bà Lê Thị Th được lưu cư đến ngày 01/7/2005 nhưng phải ký kết hợp đồng thuê nhà với ông T, bà V theo quy định của Bộ luật dân sự. Nếu ông T và bà V không chịu ký kết hợp đồng thuê nhà thì bà Th tiếp tục ở trong ngôi nhà đến hết ngày 01/7/2005. Nếu bà Th không chịu ký kết hợp đồng thuê nhà với ông T, bà V thì phải trả lại nhà ngay.

3. *Chấp nhận sự tự nguyện của ông T và bà V hoàn trả tiền sửa chữa nhà cho bà Th số tiền 28.924.560 đồng và chấp nhận sự tự nguyện hỗ trợ cho bà Th số tiền 71.045.440 đồng để bà Th di dời nơi khác.*

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

- Tại Báo cáo số 108/BC-TA ngày 22/8/2011 của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, Công văn số 196/ĐĐBQH-VP ngày 04/6/2012 và Công văn số 205/ĐĐBQH-VP ngày 17/6/2015 của Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Đà Nẵng, Công văn số 2938/TCTHADS-NV1 ngày 18/9/2014 của Tổng cục Thi hành án dân sự Bộ Tư pháp, Công văn số 618-CV/BNCTU ngày 26/8/2015 của Ban Nội chính thành ủy Đà Nẵng đều kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục tái thẩm.

- Tại Quyết định số 35/2019/KN-DS ngày 20/6/2019, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị theo thủ tục tái thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm số 16/DSPT ngày 23/4/2004 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử tái thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 02/DSST ngày 12/01/2004 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Tại phiên tòa tái thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tái thẩm chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ các *Biên lai thu tiền trả góp* của Ngân hàng phát triển nông nghiệp (thuộc chế độ cũ, do nguyên đơn xuất trình ghi vợ chồng ông T trả góp tiền “*nhà định cư Đông Giang*”) và căn cứ bản photocopy *Giấy chứng nhận tạm thời quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở* ngày 01/3/2001 (trong khi chưa xác minh, làm rõ lý do bà Th được cấp *Giấy chứng nhận tạm thời quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở*) để công nhận ông T, bà V có quyền sở hữu nhà ở quyền sử dụng đất ở đối với nhà đất tại địa chỉ KF L, tổ S, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng là chưa đủ cơ sở vì:

[1]. Tại *Công văn* số 1635/UBND-TNMT ngày 12/9/2018 của Ủy ban nhân dân quận S, *Công văn* số 348/UBND-VP ngày 11/9/2018 của Ủy ban nhân dân phường A đều xác định: Nguồn gốc nhà đất mà bà Th đang sử dụng do nhận chuyển nhượng của bà Q năm 1975; tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng giao khu đất này cho Trường Quản lý Hợp tác xã Nông nghiệp tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng quản lý, sử dụng và Nhà trường đã làm một số gian nhà cho học viên ở, phân một số lô đất cho cán bộ Nhà trường làm nhà ở; trong thực tế bà Th quản lý, sử dụng ngôi nhà này và đã thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước từ năm 1976 đến nay. Tại *Báo cáo* số 1043/BC-CTQLN ngày 12/9/2018, Công ty Quản lý nhà thuộc Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng xác nhận nhà đất trên có nguồn gốc thuộc diện vắng chủ, sau giải phóng tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng đã giao cho Trường Quản lý Hợp tác xã Nông nghiệp tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng quản lý làm nhà cho học viên sử dụng; năm 1976, Ban Giám hiệu Nhà trường thấy bà Th có hoàn cảnh khó khăn nên đồng ý cho bà Th che chắn lại ngôi nhà cũ còn lại 03 bức tường để ở đến nay; năm 2001, bà Th được Sở Địa chính - Nhà đất cấp *Giấy chứng nhận tạm thời quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở*.

[2]. Tại các *Biên bản lấy lời khai* cùng ngày 27/9/2018, những người nguyên là cán bộ Trường Quản lý Hợp tác xã Nông nghiệp tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng {gồm ông Nguyễn Tấn Th - Nguyên Phó hiệu trưởng; ông Nguyễn Hữu Đ - Nguyên Trưởng phòng Tổ chức hành chính ngay sau giải phóng; ông Nguyễn Đình B - Nguyên Trưởng phòng Tổ chức hành chính thời điểm tháng 4/1977; ông Trần Văn H - Nguyên giáo viên Nhà trường}, ông Huỳnh Th (Nguyên cán bộ Ban Quân quản, tiếp quản thành phố Đà Nẵng), ông Võ Văn X (nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A thời điểm tháng 7/1975), ông Lê S, ông Lê Cao T và bà Phan Thị L đều xác định: Sau giải phóng, Nhà nước đã giao nhà đất nêu trên cho Trường Quản lý hợp tác xã Nông nghiệp tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng quản lý, sử dụng và Nhà trường đã cho bà Th lợp lại mái, che chắn lại nhà để ở từ đó cho đến nay.

[3]. Như vậy, *Công văn* số 1635/UBND-TNMT ngày 12/9/2018 của Ủy ban nhân dân quận S, *Công văn* số 348/UBND-VP ngày 11/9/2018 của Ủy ban nhân dân phường An Đông, *Báo cáo* số 1043/BC-CTQLN ngày 12/9/2018 của Công ty Quản lý nhà thuộc Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng và các *biên bản lấy lời khai* cùng ngày 27/9/2018 của các nhân chứng nêu trên là những tình tiết mới được phát hiện, có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án dân sự phúc thẩm số 16/DSPT ngày 23/4/2004 của Tòa án nhân dân thành phố Đà

Năng theo quy định tại khoản 1 Điều 352 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Quyết định kháng nghị tái thẩm số 35/2019/KN-DS ngày 20/6/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 349, khoản 2 Điều 356 và Điều 357 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 16/DSPT ngày 23/4/2004 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và Bản án dân sự sơ thẩm số 02/DSST ngày 12/01/2004 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng đối với vụ án “Đòi nhà cho ở nhờ” giữa nguyên đơn là ông Đặng T và bà Trương Thị V với bị đơn là bà Lê Thị Th;

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật

3. Quyết định tái thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng tái thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng ;
- Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng (2 bản kèm theo hồ sơ vụ án để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm);
- Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng Lưu trữ; Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Kim Nhân

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định tái thẩm

Số: 47/2019/DS-TT

Ngày 06-9-2019

V/v “Đòi nhà cho ở nhờ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng
gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân;

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Thanh Long và ông Lê Phước Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết – Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa: Bà Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 06/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, mở
phiên tòa tái thẩm xét xử vụ án dân sự “Đòi nhà cho ở nhờ”, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Đặng T (tức Đặng Đ), sinh năm 1928;

Bà Trương Thị V, sinh năm 1947;

Cùng địa chỉ: Tổ 28, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

2. *Bị đơn*: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1937;

Địa chỉ: Tổ S, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn là vợ chồng ông Đặng T (tức Đặng Đ), bà Trương Thị V trình bày*: Nhà đất số KF L, Tổ S, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng do Ông Bà xây dựng năm 1966 từ việc mua vật liệu trả góp của Ngân hàng chế độ cũ. Năm 1971, do Ông Bà đi làm ăn xa nên đã giao nhà đất này cho bà Trương Thị Ch (chị của bà V) trông coi, bà Ch đã cho bà Lê Thị Th thuê, nhưng bà Th chỉ trả được tiền thuê nhà 01 tháng và ở nhờ nhà từ đó đến nay. Có lúc phía nguyên đơn lại khai năm 1973, có nhờ bà Ch trông coi nhà đất, bà Ch cho bà Th thuê nhà một thời gian ngắn thì cho người khác thuê lại, vì bà Th không trả tiền thuê; năm 1978, bà Ch thấy bà Th có hoàn cảnh khó khăn nên cho bà Th ở nhờ nhà đến nay.

- *Bị đơn là bà Lê Thị Th trình bày*: Năm 1973, Bà thuê nhà đất nêu trên

của bà Ch để ở. Đến tháng 4/1974, do Bà không trả tiền thuê nên bà Ch bán căn nhà này cho bà Phan Thị Q. Năm 1975, bà Q dỡ mái tôn, nên nhà chỉ còn 04 bức tường và bà Q chuyển đi nơi khác sinh sống. Sau đó, Bà xin Ban Quân quản bố trí nhà và lợp lại mái nhà để ở (có lúc bà Th cho rằng sau khi bà Q dỡ mái thì Bà mua lại phần tường nhà của bà Q với giá 5.000 đồng, không làm giấy tờ). Quá trình sử dụng, Bà đã nhiều lần sửa chữa lại nhà và đã được cấp Giấy chứng nhận tạm thời quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ngày 01/3/2001.

Tại Bản án dân sự **phúc thẩm số 16/DSPT ngày 23/4/2004**, Tòa án nhân dân thành phố **Đà Nẵng** đã quyết định: giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/DSST ngày 12/01/2004 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng như sau:

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nhà cho ở nhờ của ông Đặng T và bà Trương Thị V đối với bà Lê Thị Th.*

2. *Buộc bà Th trả lại ngôi nhà nằm trên diện tích đất 160,2m² tại KF L, tổ S, phường An Đông, quận S, thành phố Đà Nẵng cho ông Đặng T và bà Trương Thị V.*

Cho bà Lê Thị Th được lưu cư đến ngày 01/7/2005 nhưng phải ký kết hợp đồng thuê nhà với ông Tịnh, bà V theo quy định của Bộ luật dân sự. Nếu ông T và bà V không chịu ký kết hợp đồng thuê nhà thì bà Th tiếp tục ở trong ngôi nhà đến hết ngày 01/7/2005. Nếu bà Th không chịu ký kết hợp đồng thuê nhà với ông T, bà V thì phải trả lại nhà ngay.

3. *Chấp nhận sự tự nguyện của ông T và bà V hoàn trả tiền sửa chữa nhà cho bà Th số tiền 28.924.560 đồng và chấp nhận sự tự nguyện hỗ trợ cho bà Th số tiền 71.045.440 đồng để bà Th di dời nơi khác.*

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

- Tại Báo cáo số 108/BC-TA ngày 22/8/2011 của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, Công văn số 196/ĐĐBQH-VP ngày 04/6/2012 và Công văn số 205/ĐĐBQH-VP ngày 17/6/2015 của Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Đà Nẵng, Công văn số 2938/TCTHADS-NV1 ngày 18/9/2014 của Tổng cục Thi hành án dân sự Bộ Tư pháp, Công văn số 618-CV/BNCTU ngày 26/8/2015 của Ban Nội chính thành ủy Đà Nẵng cùng kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục tái thẩm.

- Tại Quyết định kháng nghị tái thẩm số 35/2019/KN-DS ngày 20/6/2019, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị tái thẩm đối với bản án Phúc thẩm số 16/DSPT ngày 23/4/2004 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử tái thẩm, hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 02/DSST ngày 12/01/2004 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố

Đà Nẵng; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm;

- Tại phiên tòa tái thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tái thẩm chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án hai cấp thành phố Đà Nẵng, bà Th khai đã được cấp Giấy chứng nhận tạm thời quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 01/3/2001 (có cung cấp bản pho to) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không xác minh, làm rõ lý do bà Th được cấp Giấy chứng nhận tạm thời quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mà chỉ căn cứ vào các Biên lai thu tiền trả góp của Ngân hàng phát triển nông nghiệp (thuộc chế độ cũ) do nguyên đơn xuất trình, các lời khai của đương sự và một số người không phải là đương sự (bà Chinh, bà Năm) để công nhận nhà đất cho ông T, bà V là chưa đủ cơ sở. Do đó, sau khi xét xử phúc thẩm bà Th liên tục có đơn khiếu nại.

Tại Công văn số 1635/UBND-TNMT ngày 12/9/2018 của Ủy ban nhân dân quận S, Công văn số 348/UBND-VP ngày 11/9/2018 của Ủy ban nhân dân phường A đều xác định: Nguồn gốc nhà đất mà bà Th đang sử dụng do nhận chuyển nhượng của bà Q từ năm 1975; tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng đã giao khu đất này cho Trường Quản lý hợp tác xã Nông nghiệp tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng quản lý, sử dụng và Nhà trường đã làm một số gian nhà cho học viên ở, phân một số lô đất cho cán bộ Nhà trường làm nhà ở; trong thực tế bà Th quản lý, sử dụng ngôi nhà này và đã thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước từ năm 1976 đến nay. Tại Báo cáo số 1043/BC-CTQLN ngày 12/9/2018, Công ty Quản lý nhà thuộc Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng xác nhận nhà đất trên có nguồn gốc thuộc diện vắng chủ, sau giải phóng tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng đã giao cho Trường Quản lý hợp tác xã Nông nghiệp tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng quản lý làm nhà cho học viên sử dụng; năm 1976, Ban Giám hiệu Nhà trường thấy bà Th có hoàn cảnh khó khăn nên đồng ý cho bà Th che chắn lại ngôi nhà cũ còn lại 03 bức tường để ở đến nay; năm 2001, bà Th được Sở Địa chính - Nhà đất cấp Giấy chứng nhận tạm thời quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở.

Tại các Biên bản lấy lời khai cùng ngày 27/9/2018, ông Nguyễn Tấn Thọ (nguyên Phó hiệu trưởng Nhà trường), ông Nguyễn Hữu Đồng (nguyên Trưởng phòng Tổ chức hành chính Nhà trường sau giải phóng), ông Nguyễn Đình Ba (nguyên Trưởng phòng Tổ chức hành chính Nhà trường thời điểm tháng 4/1977), ông Trần Văn Hào (nguyên giáo viên Nhà trường), ông Huỳnh Thành (nguyên cán bộ Ban Quân quản, tiếp quản thành phố Đà Nẵng), ông Võ

Văn Xử (nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường A thời điểm tháng 7/1975), ông Lê Sinh, ông Lê Cao Tư, bà Phan Thị Liễu đều xác định: Sau giải phóng, Nhà nước đã giao nhà đất nêu trên cho Trường Quản lý hợp tác xã Nông nghiệp tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng quản lý, sử dụng và Nhà trường đã cho bà Th lợp lại mái, che chắn lại nhà để ở từ đó cho đến nay.

Như vậy, Công văn số 1635/UBND-TNMT ngày 12/9/2018 của Ủy ban nhân dân quận S, Công văn số 348/UBND-VP ngày 11/9/2018 của Ủy ban nhân dân phường An Đông, Báo cáo số 1043/BC-CTQLN ngày 12/9/2018 của Công ty Quản lý nhà thuộc Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng và các biên bản lấy lời khai cùng ngày 27/9/2018 của các nhân chứng nêu trên là những tình tiết mới được phát hiện, có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của Bản án phúc thẩm theo định tại khoản 1 Điều 352 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Như vậy, Quyết định kháng nghị tái thẩm số 35/2019/KN-DS ngày 20/6/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 2 Điều 356 và Điều 349 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 16/DSPT ngày 23/4/2004 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và Bản án dân sự sơ thẩm số 02/DSST ngày 12/01/2004 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng đối với vụ án “Đòi nhà cho ở nhờ” giữa nguyên đơn là ông Đặng T và bà Trương Thị V với bị đơn là bà Lê Thị Th.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật

3. Quyết định tái thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng tái thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT II-Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng ;
- Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng (2 bản kèm theo hồ sơ vụ án để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm);
- Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng Lưu trữ; Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Kim Nhân

